

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RC5+CTC1	7:25	22+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
2		TTC1+CTK3	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
3		P2+BK10+VSP02	7:25	6+0+16	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 1 P2- bk10
4		CIO+BK14+CNV	9:25	2+13+6	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
5		BK8+MRM+P5	9:25	6+14+0	0+0+0		0+17+4	0+0+0	
6		BK4+P2+BK9	9:25	10+3+6	0+0+0		2+10+8	0+0+0	
7		P4+P11+CTK3	11:25	6+0+10	0+0+0		5+6+9	0+0+0	
8		CTK3+BK5+P1	11:25	10+4+4	0+0+0		12+0+10	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	TO: VSP02 - RC5 - CTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ATUẤN - Hồi - MQUÂN	ETA: 09:15
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	21-22	2	17		80	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN QUAN	VSP02	09	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LINH	VSP02	17	1	5		45	YTE	Vietnamese
4	BODAN KARPENKO	VSP02	24	1	15		88	KH-THAC	Russian
5	SERGIENKO SE	VSP02	23	1	9		75	KH-THAC	Russian
6	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	01	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	04	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC ĐỒNG	VSP02	02-03	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	15	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	19	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	14	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	06	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SĨ KHOI	VSP02	05	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LUƠNG HA	VSP02	16	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN GIA KHANH	VSP02	11-12	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THỊ CƯỜNG	VSP02	18	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	10	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	07	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	24	156	1.571	0	20		
2	RC5	0	0	0	0	60	1		
3	CTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	156	1.571	60	22		
WEIGHT KG				156	1.571	60			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: TTC1 - CTK3	CREW: Cương - Vận - TDUNG	ETA: 09:30
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKIY	TTC1	44	1	7		80	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN CHÁNH	TTC1	43	1	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH LỢI	TTC1	45	1	11		58	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ TRUNG DUNG	TTC1	46	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TẤT THẮNG	CTK3	40	1	5		63	YTE	Vietnamese
6	MAI VĂN DUNG	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
7	HOANG THANH HOA	CTK3	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	SMYRNOV	CTK3	44	1	5		100	KH-THAC	Russian
9	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TIEN DUNG	CTK3	46	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUAN HIEU	CTK3	48	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HÙNG	CTK3	49	1	8		45	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	42	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VĂN BÁC	CTK3	51	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HOANG SON	CTK3	43	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	47	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	45	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	50	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3	55	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LAM	CTK3	56	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	52	1	8	40	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	4	35	293	40	3		
2	CTK3	18	16	84	1.211	80	19		
TOTAL		22	20	119	1.504	120	22		
WEIGHT KG				119	1.504	120			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P2 - BK10 - VSP02	CREW: HUNG - XHOAN - Luy	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HIỆP	P2	88	1	6	40	80	PSV	Vietnamese
2	PHẠM THANH HÙNG	P2	87	1	7		65	PSV	Vietnamese
3	LÊ QUANG NINH	P2	86	1	12		66	PVGAS	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	89	1	6		64	PVGAS	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ANH	P2	90	1	6	3	71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	23	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	20	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	22	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	16	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN HUY	VSP02	09	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	VSP02	06-07	2	20		85	T-TIN	Vietnamese
15	LÊ VĂN LỢI	VSP02	04	1	5	45	51	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02					80	PSV	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TOÀN	VSP02	05	1	10		76	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	18	1	6		80	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02					79	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	21	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	VSP02	19	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	5	37	346	43	4		CHUYEN 1 PAX TU P2 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	10	0		
3	VSP02	16	15	97	1.131	45	18		
TOTAL		21	20	134	1.477	98	22		
WEIGHT KG				134	1.477	98			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	TO: CLO - BK14 - CNV	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Toan	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THAI VIET	CLO	62	1	11		67	DVL	Vietnamese
2	VO CHI THANH	CLO	60-61	2	15	35	75	DVL	Vietnamese
3	MAI HAI LONG	BK14	76	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
4	KHAERDINOV	BK14	79	1	7		70	KHOAN	Russian
5	AKOPOV	BK14	77-78	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ANH TUAN	BK14	75	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH THINH	BK14	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HUU TRUNG	BK14	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET LONG	BK14	74	1	6	40	72	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	BK14	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	MULNIUCHKIN V.V.	BK14	16	1	15		90	DVL	Vietnamese
12	TRAN ANH TUAN	BK14	63	1	8		75	DVL	Vietnamese
13	VU VAN NAM	BK14	80	1	17		70	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NAM (CN)	BK14	71	1	5		70	DVL	Vietnamese
15	PHAM NGOC NINH	BK14	72	1	3		75	PSV	Vietnamese
16	TRAN ANH HUNG	CNV	31	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG MANH	CNV	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUNG VAN KHANH	CNV	25	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC TRI	CNV				50	68	KH-THAC	Vietnamese
20	VU QUANG HAI	CNV	73	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH TIEN	CNV	66	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	3	26	142	35	0		
2	BK14	13	14	106	965	40	8		
3	CNV	6	5	37	441	50	14		
TOTAL		21	22	169	1.548	125	22		
WEIGHT KG				169	1.548	125			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: BK8 - MRM - P5	CREW: ATUÁN - HỒI - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN NGỌC	BK8	83	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN VĂN HỌC	BK8	84	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ XUÂN HIẾN	BK8	60-61	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG DŨNG	BK8	64-65	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VĂN THANH	BK8	81-82	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI CÔNG ĐỊNH	BK8	62-63	2	20		100	XAYLAP	Vietnamese
7	KARIMOV TAGIR G.	MRM	49	1	13		85	KHOAN	Russian
8	POLIAKOV	MRM	50	1	9		78	KHOAN	Russian
9	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	46-47	2	15		84	KHOAN	Russian
10	DEREVYANKO ARTEM	MRM	45	1	10		65	KHOAN	Russian
11	KHARCHENKO IGOR	MRM	48	1	5		78	KHOAN	Russian
12	DOBROVOLSII O.A	MRM	51	1	15		85	KHOAN	Russian
13	TRẦN CÔNG CHIẾN	MRM	54	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TUÔNG	MRM	55	1	8	20	79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	53	1	16		69	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI HÙNG	MRM	52	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
17	VO TÂN HOA	MRM	43-44	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
18	DOAN BÙI TAM	MRM	39	1	10		108	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	40	1	12		87	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM THỊ TAM	MRM	41-42	2	10		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	10	109	417	0	0		
2	MRM	14	17	167	1.112	20	17		
3	P5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	27	276	1.529	20	21		
WEIGHT KG				276	1.529	20			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: BK4 - P2 - BK9	CREW: HUNG - KHOAN - Luy	ETA: 11:20
HONG-2			

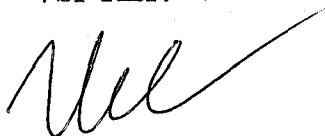
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN LOC	BK4	52-53	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN MAI	BK4	64	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHANH	BK4	55	1	9	14	56	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN BAY	BK4	54-55	2	12		53	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN THOONG	BK4	65,97	2	15	35	56	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN TRUONG GIANG	BK4	56	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC QUY	BK4	57	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	DOAN CONG MANH	BK4	27	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC THO	BK4	26,100	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
10	VU TUAN ANH	BK4	98	1	11	17	79	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM HONG VAN	P2	95	1	10		71	PSV	Vietnamese
12	VU HONG QUANG	P2					80	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN DUC TRONG	P2	94	1	10		60	PSV	Vietnamese
14	LUU VAN SON	BK9					73	KH-THAC	Vietnamese
15	VO THE HAU	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG TUAN ANH	BK9	71	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC THANG	BK9	69	1	8	50	70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CONG SAM	BK9	70	1	12		67	PSV	Vietnamese
19	BUI DUC KHANH	BK9					58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	10	14	128	645	66	2		
2	P2	3	2	20	211	0	8		
3	BK9	6	3	26	417	50	8		
TOTAL		19	19	174	1.273	116	18		
WEIGHT KG				174	1.273	116			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

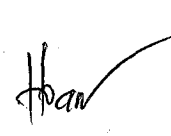
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	TO: P4 - P11 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Vận - XTrưởng - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CÔNG ĐỨC TÂM	P4	64	1	4	70	61	NIPI	Vietnamese
2	TRẦN THANH LIÊM	P4	58	1	7		65	PSV	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG KIÊN	P4	56	1	6		66	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	59	1	5		85	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN AI	P4	57	1	5		55	PSV	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	94	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÝ BĂNG	CTK3	95	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	97	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG KIÊN	CTK3	2000	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	99	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	98	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	91	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	96	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	5	27	332	70	5		
2	P11	0	0	0	0	0	6		
3	CTK3	10	10	57	731	0	9		
TOTAL		15	15	84	1.063	70	20		
WEIGHT KG				84	1.063	70			

GRAND TOAL: 1.217 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - BK5 - P1	CREW: Hồi - MTuấn - NNam	ETA: 13:15
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	CTK3	65	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH HAI	CTK3	64	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI KHUONG HIEU	CTK3	62-63	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI MINH TAN	CTK3	59-60	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CỎ	CTK3	61	1	11		51	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SOAI	CTK3	66	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	CTK3	67	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	68	1	5		73	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN MINH	CTK3	70	1	6		83	PSV	Vietnamese
10	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	69	1	6		66	PSV	Vietnamese
11	VŨ NGỌC TỬ	BK5	05	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUANG VŨ	BK5	03	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN AN NINH	BK5	02	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRONG NHIÊN	BK5	04	1	12		51	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG MINH	P1	91	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	P1				40	60	PSV	Vietnamese
17	PHAN SỸ HOÀN	P1	96	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	24-25	2	12		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	12	83	731	0	12		
2	BK5	4	4	46	270	0	0		
3	P1	4	4	23	260	40	10		
TOTAL		18	20	152	1.261	40	22		
WEIGHT KG				152	1.261	40			

GRAND TOAL: 1.453 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RC3+RP3	7:25	4+0+11	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
2		P10+P9+RP1	9:25	6+7+7	0+0+0		6+9+7	0+0+0	1 NGUOI TU CIO VE QUA P9

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2020	TO: TD1 - RC3 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐOÀN ĐỨC	TD1	66	1	10	60	81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MAO	TD1	52	1	17		83	BAKER HU	Vietnamese
3	GIANG HỒNG SƠN	TD1	99-100	2	18		71	BAKER HU	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN SƠN	TD1	79-80	2	20		73	BAKER HU	Vietnamese
5	LÊ QUÝ BUÔNG	RP3	600	1	12	60	65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG DINH CHIEN	RP3	08	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC GIAO	RP3	03	1	4		52	PSV	Vietnamese
8	VŨ NGỌC HÙNG	RP3	04	1	5		62	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NANG	RP3	01	1	8		55	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP3	10	1	5		50	PSV	Vietnamese
11	PHAN SỸ CAO	RP3	99	1	5		64	PSV	Vietnamese
12	TRẦN BA MẬU	RP3	98	1	6		66	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HIẾU	RP3	02	1	5		59	PSV	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG LINH	RP3	09	1	2		75	PVGAS	Vietnamese
15	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3					68	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	6	65	308	60	1		
2	RC3	0	0	0	0	0	1		
3	RP3	11	10	57	683	60	20		
TOTAL		15	16	122	991	120	22		
WEIGHT KG				122	991	120			

GRAND TOAL: 1.233 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: P10 - P9 - RP1	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH BẠCH	P10	52	1	5	30	65	PSV	Vietnamese
2	BUI VĂN QUANG	P10					72	PSV	Vietnamese
3	BUI VĂN NGUYỄN	P10	82	1	6		70	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	81	1	5		57	PSV	Vietnamese
5	VU XUÂN TIỀN	P10	88	1	6		70	PSV	Vietnamese
6	VASYANKIN ALEXEY	P9	42	1	12	30	120	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	43,45	2	14	67	69	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN KIM	P9	46	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	BUI ĐẮC CÀNH	P9	39	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN VIỆT	P9	38	1	2		75	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG LÂN	P9	40	1	6		71	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	41	1	9		71	PSV	Vietnamese
13	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	800	1	4	30	56	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HOAN	RP1	03-04	2	17		66	PSV	Vietnamese
15	HÀ QUỐC VINH	RP1	06	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	02	1	6		79	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUY	RP1	07	1	12		71	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	05	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG MẠNH	RP1	01	1	6		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

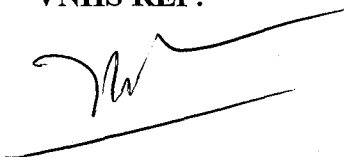
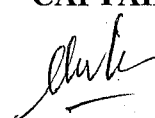
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	4	22	334	30	6		
2	P9	7	8	53	536	97	9		
3	RP1	7	8	54	492	30	7		
TOTAL		19	20	129	1.362	157	22		
WEIGHT KG				129	1.362	157			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD2+P2+BK6	7:25	12+9+1+0	0+0+0+0		11+9+1+1	0+0+0+0	CHUYEN 1 P2-BK6
2		TD5+TD3	7:25	9+13	0+0		4+18	0+0	
3		P10+TD2+TD5	9:25	11+6+5	0+0+0		0+8+14	0+0+0	1 NGUOI BK14 VỀ QUA TD5

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P5 - TD2 - P2 - BK6	CREW: Nam - VAnh - DTùng	ETA: 09:10
Xanh - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA LUONG	P5					65	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	P5	300	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	P5	90	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	P5	80	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MINH HIEU	P5	93	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN PHAN	P5	91	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUYET TIEN	P5	71	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
8	NHAM DUC QUANG	P5	79	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	P5	92	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CHAN	P5	72	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TUAN LONG	P5	89	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P5	99	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HAI	TD2	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	GROMOV	TD2	21	1	13		85	KHOAN	Russian
15	TRAN TRONG ANH	TD2	19	1	3	4	75	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG THANH TUNG	TD2	16	1	3	50	75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TUAN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	17	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH BINH	TD2	15	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TUNG	TD2	18	1	11		57	KHOAN	Vietnamese
22	BUI VAN QUAN	P2	96	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	12	11	59	871	0	11		CHUYEN 1 PAX P2 SANG BK6
2	TD2	9	7	47	660	54	9		
3	P2	1	1	3	65	0	1 + 1		
4	BK6	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		22	19	109	1.596	89	22		
WEIGHT KG				109	1.596	89			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD5 - TD3	CREW: ĐỨC - VTHU - TDUNG	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV	TD5	13	1	10		94	KHIOAN	Russian
2	NGUYEN VAN THOI	TD5	20	1	11		70	KHIOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TAM	TD5	16	1	4		64	KHIOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN VINH	TD5	14-15	2	12		88	KHIOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	TD5	18	1	6		53	KHIOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BINH	TD5	17	1	3		65	KHIOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THINH	TD5	21	1	4		74	KHIOAN	Vietnamese
8	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD5	19	1	7		68	KHIOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	23	1	3		77	KHIOAN	Vietnamese
10	GUSHEYNOV M.A	TD3	31	1	5		80	KHIOAN	Russian
11	BUI HUU VUNG	TD3	32	1	6		88	KHIOAN	Vietnamese
12	DOAN QUANG BAC	TD3	33	1	4		68	KHIOAN	Vietnamese
13	NGO VAN KIEM	TD3	36	1	3		62	KHIOAN	Vietnamese
14	CHU VAN THANG	TD3	35	1	5		68	KHIOAN	Vietnamese
15	DO THANH HAI	TD3	34	1	3		83	KHIOAN	Vietnamese
16	LE ANH XUAN	TD3					68	KHIOAN	Vietnamese
17	PHAN HAI NAM	TD3					71	KHIOAN	Vietnamese
18	NGUYEN PHI HUNG	TD3	37	1	4	4	80	KHIOAN	Vietnamese
19	MAI DUY KHANH	TD3	39-40	2	16	40	76	KHIOAN	Vietnamese
20	NGUYEN LAM GIANG	TD3	38	1	5		76	KHIOAN	Vietnamese
21	HOANH MINH SON	TD3	42	1	10		75	KHIOAN	Vietnamese
22	LE ANH TUAN	TD3	41	1	5		67	KHIOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	10	60	653	0	4		
2	TD3	13	12	66	962	44	18		
TOTAL		22	22	126	1.615	44	22		
WEIGHT KG				126	1.615	44			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P10 - TD2 - TD5	CREW: Phong - VAnh - DTùng	ETA: 11:20
VANG--2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAO VAN KHOI	P10	53	1	16		56	XAY LAP	Vietnamese
2	HOANG BA DUC	P10	34	1	15		82	XAY LAP	Vietnamese
3	LE QUANG HOA	P10	23	1	10		68	XAY LAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TRA	P10	35	1	8		82	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYEN BA DONG	P10	36	1	9		65	XAY LAP	Vietnamese
6	HA TUAN DUNG	P10	25-26	2	18		72	XAY LAP	Vietnamese
7	DOAN QUANG TRUNG	P10	32-33	2	18		68	XAY LAP	Vietnamese
8	LE VAN NIN	P10	30-31	2	13		69	XAY LAP	Vietnamese
9	TRINH VAN BAU	P10	23-24	2	17		70	XAY LAP	Vietnamese
10	BUI VAN CHINH	P10	27	1	13		63	XAY LAP	Vietnamese
11	DAO VAN HOAN	P10	28-29,5000	3	17		65	XAY LAP	Vietnamese
12	PHAM DINH THUYET	TD2	27-28	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN THANG	TD2	29	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	TD2	33-34	2	20		83	CO DIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEP	TD2	35	1	17	10	77	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LONG	TD2	30	1	13		61	DVL	Vietnamese
17	LUU BA XO	TD2	31-32	2	15		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	TD5	24	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	27	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN DONG	TD5	25	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HUNG	TD5	26	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN VINH TRUONG	TD5	12,22	2	20		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	11	17	154	760	0	0		
2	TD2	6	9	79	456	10	8		
3	TD5	5	6	48	315	0	14		
TOTAL		22	32	281	1.531	10	22		
WEIGHT KG				281	1.531	10			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+CLO+BK16	7:25	1+13+0	0+0+0		1+15+6	0+0+0	chuyen 1 Td5- CLO
2		TTC2+TTC1+TD1	9:25	1+2+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - CLO - BK16	CREW: VThắng - Thanh - Năm	ETA: 09:20
XANH-1			

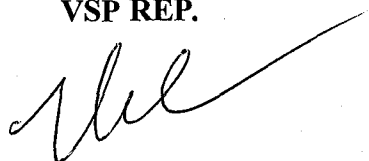
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	28	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	65	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	64	1	5	40	72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	70	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	75	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	72	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	73	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	68	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN KIM HÙNG	CLO	74	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUỐC THĂNG	CLO	71	1	15	5	82	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HỒ	CLO	69	1	5		70	DVL	Vietnamese
15	LE VIỆT HÙNG	BK16	52	1	4	60	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	1	4	67	0	1+1		CHUYEN 01 PAX TD5 SANG CLO
2	CLO	13	13	88	951	45	15		
3	BK16	1	1	4	70	60	6		
TOTAL		15	15	96	1.088	105	22		
WEIGHT KG				96	1.088	105			

GRAND TOAL: 1.289 KGS

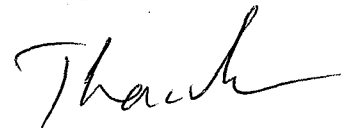
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TTC2 - TTC1 - TD1	CREW: VThắng - Thanh - Năm	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOSTIKIN	TTC2	21	1	14	25	129	NIPI	Russian
2	LÊ TUÂN VŨ	TTC1	40-41	2	11	30	65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HUNG	TTC1	42	1	9	15	59	NIPI	Vietnamese
4	KOROTKOV V.A	TD1	67	1	7		110	KHOAN	Russian
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1				28	78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	94	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THIỆU	TD1	84	1	8	5	75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	93	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	83	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	87	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ANH TUÂN	TD1	81-82	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	89-90	2	8		89	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	68	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	86	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	95	1	10	15	60	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ XUÂN CANH	TD1	88	1	12		65	DVL	Vietnamese
17	TRẦN ANH VINH	TD1	85	1	8	50	58	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	1	1	14	129	25	0		
2	TTC1	2	3	20	124	45	1		
3	TD1	14	15	98	1.018	98	21		
TOTAL		17	19	132	1.271	168	22		
WEIGHT KG				132	1.271	168			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

